

Số: 29../BC-CNDD/HĐQT

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**
- Tên tiếng Anh **PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVC – IC**
- Logo của Công ty



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và cấp thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 18/12/2022
- Vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 đồng
- Trụ sở chính Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại (0254) 3 834 784 Fax (0254) 3 839 925
- Email info@pvc-ic.com.vn Website <http://pvc-ic.com.vn>
- Mã cổ phiếu PXI
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, được thành

lập ngày 21/12/2007 theo quyết định số 03/QĐ-HĐQT-TCT của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4904000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/12/2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư, xây lắp các công trình chuyên ngành Dầu khí; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng, cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ. Sau gần ba năm hoạt động, Công ty ngày càng phát triển. Sản lượng và lợi nhuận của Công ty không ngừng gia tăng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Công ty trở thành một đơn vị chủ lực về xây dựng công nghiệp và dân dụng của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Nhằm chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã đề xuất phương án và được Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt việc chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH 1 TV sang Công ty Cổ phần vào ngày 16/11/2009 theo quyết định số 964/QĐ-XLDK. Dựa trên quyết định này, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở GDCK TP HCM.

- Các sự kiện khác: Không có

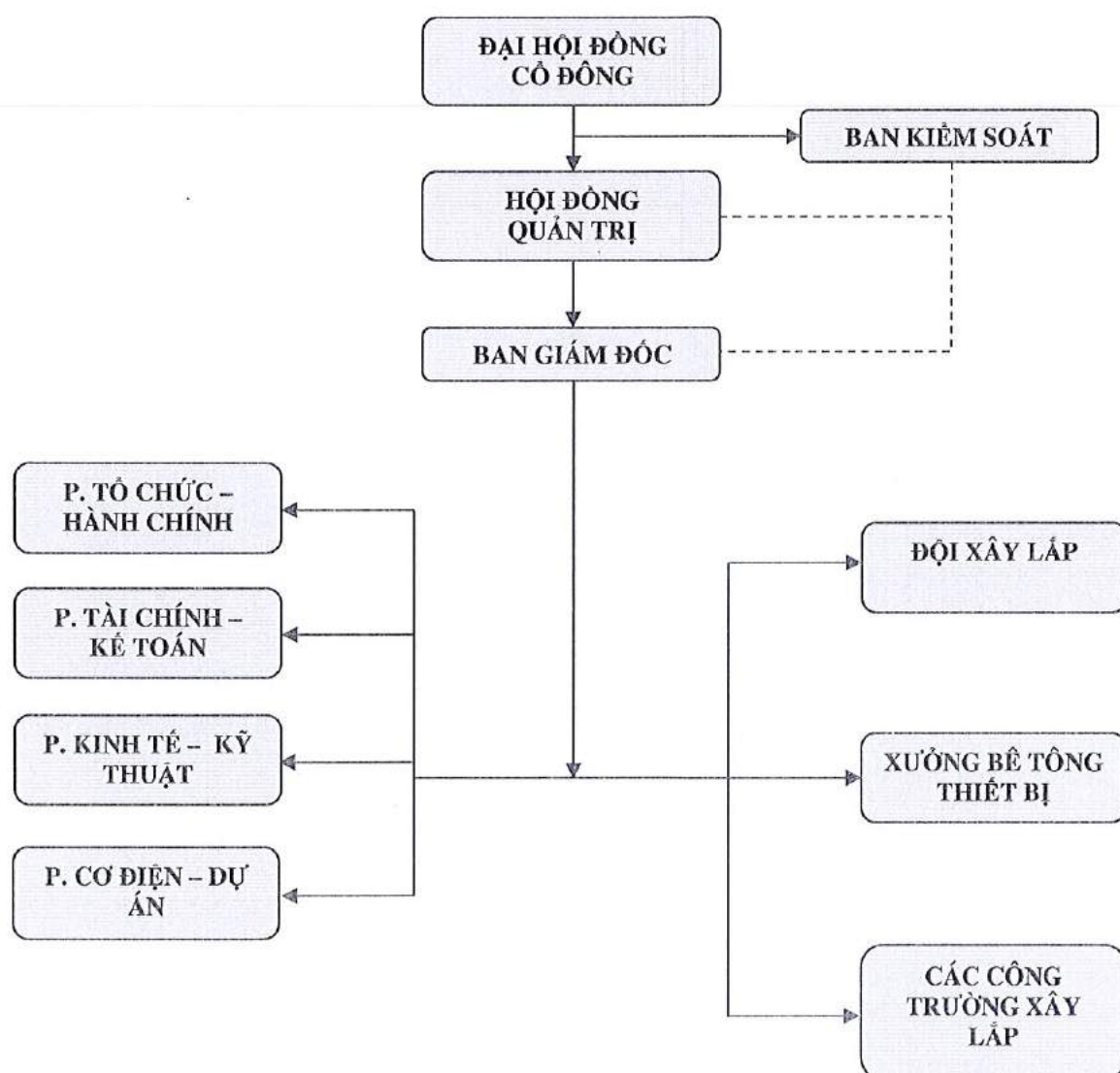
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
 - + Xây dựng công nghiệp dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
 - + Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị;
 - + Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước;
 - + Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
 - + Lập dự án đầu tư ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;

- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
 - + Sản xuất gạch nhẹ;
 - + Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
 - + Gia công cơ khí (không sản xuất tại các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và Phường Thắng Tam của TP Vũng Tàu);
 - + Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35 KV.
- Địa bàn kinh doanh: Bà Rịa – Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh; Tỉnh Lâm Đồng; Tỉnh Hậu Giang; Tỉnh Thái Bình.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - + Xây dựng và phát triển PVC-IC thành một Công ty Xây lắp, có trình độ quản lý và công nghệ thi công xây lắp đủ để quản lý và triển khai những dự án công nghiệp, dân dụng và các dự án của ngành Dầu khí theo hình thức tổng thầu EPC.
 - + Tiếp tục khai thác và nâng cao tỷ trọng trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp chiếm khoảng 70% - 80% trong tổng doanh thu xây lắp của PVC-IC, đây là thế mạnh của PetroVietnam.
 - + Duy trì và phát triển thế mạnh hiện có của PVC-IC trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng tiến tới nhận thầu các công trình cao ốc theo hình thức tổng thầu EPC, hoặc hình thức chìa khóa trao tay
 - + Ngoài các mục tiêu chủ yếu, trên cơ sở đánh giá tổng quan thị trường và vị trí của PVC-IC, HĐQT xác định các mục tiêu cơ bản của năm 2023 và các năm tiếp theo:
 - + Đạt những chỉ tiêu kinh tế theo đúng kế hoạch đã đề ra.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng theo hướng nhận thầu công trình có qui mô từ vừa đến lớn, yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao.
 - + Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn về “Chất lượng, Đổi mới Sáng tạo và Năng lực Lãnh đạo”.
 - + Khởi công xây dựng và đưa vào thị trường những sản phẩm phù hợp của ít nhất một dự án bất động sản.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong giai đoạn nền kinh tế khó khăn như hiện nay, PVC-IC vẫn quyết tâm phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2017 đến 2030 như sau:
 - + Giai đoạn - Từ năm 2018 đến năm 2022: Đây là giai đoạn mà nền kinh tế đang rất khó khăn, một phần do dịch bệnh COVID-19 nên các dự án đầu tư gần như đóng băng hoặc triển khai rất hạn chế. Do đó giá trị SXKD của PVC-IC cũng ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên Công ty cũng phấn đấu đạt được một số tiêu chí
 - ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 0% - 1% năm.
 - ✓ Tập trung thu hồi công nợ các dự án đã hoàn thành để giảm tối đa lãi vay ngân hàng.
 - ✓ Tái cơ cấu tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, tiết giảm tối đa chi phí.
 - + Giai đoạn - Từ năm 2022 đến năm 2025:
 - ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 2% đến 4% năm.
 - ✓ Tìm kiếm và đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản, nhận thầu các dự án xây lắp có quy mô vừa và nhỏ, thời gian thi công nhanh.
 - + Giai đoạn - Từ năm 2025 đến 2030:

- ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 10% đến 15% năm.
- ✓ Tìm kiếm và đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản và tiến tới làm chủ đầu tư các dự án bất động sản để chủ động việc làm; nhận thầu các dự án xây lắp có quy mô từ 50 tỷ trở lên chiếm tỷ trọng lớn, thời gian thi công nhanh.
- ✓ Phát triển kinh doanh thêm ngành nghề cung ứng dịch vụ, thương mại.
- ✓ Phát triển PVC-IC thành Tổng công ty có qui mô lớn, lấy đầu tư xây dựng làm trung tâm và chiếm tỷ trọng 70% giá trị SXKD.

Để đạt được chiến lược trên, cần thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý tiên tiến để đáp ứng quản lý tốt và hiệu quả các công trình xây dựng có qui mô ngày càng lớn và yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao.
- ✓ Cổ phần hóa phần vốn góp của Nhà nước trong cơ cấu vốn.
- ✓ Kêu gọi vốn góp từ các Cổ đông lớn, tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính. Hợp tác với những công ty có nhiều kinh nghiệm và năng lực tài chính mạnh trong các lĩnh vực mà Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm để mở rộng thị trường.
- ✓ Ứng dụng sâu rộng hệ thống Công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
- ✓ Duy trì và nâng cao chất lượng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO.
- ✓ Từng bước mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều tỉnh thành khác trong cả nước. Xây dựng các đội thi công/Công ty con/Công ty liên kết chuyên nghiệp thi công Các công trình công nghiệp và Hạ tầng.
- ✓ Áp dụng các kỹ thuật thi công tiên tiến trên thế giới để nâng cao sức cạnh tranh của công ty nhờ vào việc thi công đạt tiến độ ngắn nhất, chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.
- ✓ Tạo dựng niềm tin và uy tín cao đối với khách hàng.
- ✓ Quản lý tốt các rủi ro, thu hồi kịp thời công nợ, hạn chế nợ xấu. Duy trì và Nâng cao uy tín của Công ty với các ngân hàng.
- ✓ Quản lý thi công, tài chính tốt để đạt các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đã đặt ra nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho cổ đông góp vốn.
- ✓ Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng cao nhất các tiêu chuẩn của hội đồng thương hiệu Quốc gia.
- ✓ Đến cuối 2030, Công ty đứng trong top 100 các doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Việt Nam.
- ✓ Tạo môi trường làm việc hiệu quả, đẩy mạnh công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên. Nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp quản lý. Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp đặc sắc và mang tính nhân văn của Công ty. Nâng cao hình ảnh của Công ty một cách nổi bật trong thị trường đầu tư xây dựng để thu hút nhân tài cho sự phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Ảnh hưởng của Dịch Covid-19 được xem như “thuốc thử” đối với tất cả các doanh nghiệp. Những doanh nghiệp lớn với tiềm lực tài chính sẽ tận dụng thế mạnh để nắm bắt thời cơ phát triển, chiếm lĩnh thị phần; ngược lại, doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ khó có năng lực cạnh tranh, bị thu hẹp thị phần, một số phải đóng cửa. Tăng cường năng lực quản trị tài chính, xây dựng các kịch bản ứng phó và các phương án ổn định kinh doanh nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi được xem là những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại, tạo nên sức bật để phát triển vươn xa. Đây cũng chính là chiến lược hoạt động chính của PVC-IC trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

5. Các rủi ro:

- Trong thời gian tới tình hình đầu tư của ngành Dầu khí giảm, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch xây dựng cơ bản của tập đoàn đã được xây dựng. Trong khi đó, hầu hết các công trình xây lắp của công ty PVC-IC đều là các công trình trong ngành và sẽ phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động này trong thời gian tới.
- Tình hình nợ xấu của các ngân hàng trong thời gian qua cũng đã được giải quyết một phần đáng kể. Tuy nhiên, vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để đặc biệt là các ngân hàng đang tìm mọi cách để làm đẹp tình hình tài chính của doanh nghiệp. Do đó, tuy lãi suất ngân hàng thời gian qua đã giảm, nhưng rất có thể trong thời gian tới lãi suất có thể lại tăng điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính của doanh nghiệp.
- Trong một vài năm gần đây lực lượng lao động của ngành xây dựng liên tục giảm nguyên nhân là do thời gian vừa qua các khu công nghiệp ngày càng nhiều đã thu hút phần lớn lực lượng lao động trong xã hội. Trong khi PVC-IC đang chuyển dần sang xây lắp các công trình công nghiệp là chính nên cần một lực lượng lao động rất lớn dẫn đến tình trạng khan hiếm và đẩy mức chi phí nhân công lên rất cao.
- Sự bùng phát dịch COVID-19 đã mang lại những thách thức chưa từng có, được dự báo sẽ có những tác động đáng kể đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam trong những năm tiếp theo. Hơn nữa, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế khác. Do vậy, các kịch bản và dự đoán liên quan đến các tác động đối với kinh tế Việt Nam cũng tương quan với các tác động đối với kinh tế của các nước khác sau đợt bùng phát đại dịch COVID-19. Đặc biệt là giá dầu mỏ, khí đốt có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với các nền kinh tế, loại hình kinh tế chủ yếu do giá cả các loại mặt hàng leo thang tăng giá, trong đó Công ty chịu ảnh hưởng của các loại vật tư, nguyên liệu dùng trong sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng cao làm giảm lợi nhuận.
- Giá đầu thầu đang rất cạnh tranh, nhiều đối thủ sẵn sàng phá giá để tồn tại.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính			
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300	
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	19,58	
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	13,86	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-4,88	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-4,88	
II	Đầu tư	Tỷ đồng	-	
1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-	
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	-	
III	Nộp NSNN	Tỷ đồng	4,78	
IV	Thu nhập bình quân	Tr đồng	8,50	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2022	TH năm 2022	Tỷ lệ% (TH/KH)
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính				
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300	300	100%
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	52,00	19,58	37,65%
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	42,00	13,86	33,01%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	-4,88	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	-4,88	-
II	Đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-
1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-	-	-
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	-	-	-
III	Nộp NSNN	Tỷ đồng	4,50	4,78	106,22%
IV	Thu nhập bình quân	Tr đồng	9,80	8,50	86,73%

Từ số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện SXKD năm 2022 như đã trình bày trên. Có thể khẳng định đơn vị không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của năm được HĐQT Công ty PVC-IC giao tại Quyết định số 32/NQ-CNDD/HĐQT ngày 19/04/2022. Cụ thể:

- ⚡ Về sản lượng xây lắp thực hiện năm 2022 tiếp tục rất khó khăn đối với Công ty trong hoạt động SXKD, giá trị sản lượng chỉ thực hiện tại Dự án Thái Bình 2 đang triển khai, các công trình, dự án mới chưa có để thực hiện. Trong kế hoạch xây dựng giá trị SXKD năm 2022 gồm các Công trình dự án sau:

Stt	Tên công trình/Dự án	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng)	Tình trạng triển khai
1	Công trình Nanogen TPHCM giai đoạn 2	25,00	Chủ đầu tư dừng dự án
2	Công trình chung cư số 281 Thống Nhất TP. Vũng Tàu	25,00	Chủ đầu tư dừng dự án
3	Các công trình khác	2,00	Không thực hiện

Năm 2022 các công trình năm kế hoạch đã không triển khai thực hiện được. Đồng thời, công tác đầu tư hầu như không triển khai đầu tư mới do chủ trương chung của Nhà nước, Các cấp quản lý, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về thoái vốn các dự án Bất động sản để tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính... Do vậy, Giá trị SXKD năm 2022 từ hoạt động xây lắp chủ yếu từ phần việc còn lại tại Dự án Thái Bình 2 và một phần cho thuê máy móc, thiết bị ... Tỷ lệ đạt 37,65% kế hoạch năm.

- ✚ Về doanh thu: Từ giá trị sản lượng thực hiện năm 2022 dẫn đến, tổng doanh thu năm 2022 cũng thu được từ hoạt động xây lắp tại Dự án Thái Bình 2 và cho thuê máy móc, thiết bị, khai thác tài sản ...với giá trị ước đạt 33,01% kế hoạch năm.
- ✚ Lợi nhuận trước thuế: Với hai chỉ tiêu sản lượng và doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đều không hoàn thành chỉ tiêu, tuy nhiên chi phí quản lý, chi phí lãi vay, khấu hao tài sản, giá vốn công trình giảm là 8,32 tỷ đồng, đồng thời tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội nên hiệu quả sản xuất âm 4,88 tỷ đồng trong năm 2022. Lỗ lũy kế sẽ tiếp tục tăng thêm trong năm tài chính 2022 nếu Công ty tiếp tục phải hạch toán khoản chi phí xây dựng dở dang tại dự án đầu tư trên khu đất số 35D đường 30/4 là 14 tỷ đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 30/12/2015 về chuyển giao sử dụng dịch vụ trên đất số 35D đường 30/4 sẽ ghi nhận khoản lỗ thêm khoảng 5 tỷ đồng.
- ✚ Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo kế hoạch năm: 4,5 tỷ đồng; Thực hiện 4,78 tỷ đồng. Đạt 106,22% kế hoạch năm; Hiện nay Công ty vẫn còn nợ Thuế khoảng 30 tỷ đồng chưa thu xếp được nguồn để nộp.
- ✚ Hoạt động đầu tư: Không thực hiện đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đang triển khai dở dang.
- ✚ Thu nhập bình quân: Theo kế hoạch năm: 9,8 triệu đồng; Thực hiện 8,5 triệu đồng. Đạt 86,73% kế hoạch năm

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

a) Danh sách đến 31/12/2022

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	29/11/2022 29/11/2022	Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh; Cử nhân tiếng pháp
2	Ông Trần Ngọc Lâm	- Thành viên HĐQT	28/12/2021	Thạc sỹ Quản trị Kinh

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
				doanh – Kỹ sư Xây dựng
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HĐQT độc lập	29/11/2022	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí

b) Tóm tắt lý lịch

1) Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT - Ngô Bùi Ngọc

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 27/10/1976
- Nơi sinh: TP Nam Định, Tỉnh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Yên Lộc – Ý Yên – Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Nơi ở hiện nay: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Số CMND: 036076000059. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2020
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh ; Cử nhân tiếng pháp.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Chuyên viên tài chính, Marketing – Công ty Allianz – AGF (Pháp)	Chuyên viên
Từ 2001 đến 2002	Chuyên viên Xuất nhập khẩu – Công ty XNK INTIMEX	Chuyên viên
Từ 2002 đến 2003	Chuyên viên – Công ty Sông Đà 12	Chuyên viên
Từ 2003 đến 2008	Cán bộ Công ty Cp Thép Việt Ý – Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên
Từ 2008 đến 08/2008	Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Phó chánh văn phòng Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trợ lý HĐQT – Phó chánh VP
Từ 08/2008 đến	Phó Trưởng Ban Thương mại - Tổng	Phó trưởng ban

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2009	công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	
Từ 03/2009 đến 05/2009	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật An toàn - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
Từ 05/2009 đến 08/2009	Phó Trưởng Ban Thiết bị cơ giới - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
Từ 08/2009 đến 09/2009	Phó Phòng Kinh tế Chi nhánh TCCG Dầu khí - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó phòng
Từ 10/2009 đến 03/2010	Phó giám đốc Ban điều hành các dự án của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban điều hành
Từ 03/2010 đến 08/2010	Phó giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí	Phó giám đốc ban QLDA
Từ 08/2010 đến 11/2011	Phó giám đốc BDH các dự án của PVC tại Hà Nội	Phó giám đốc Ban điều hành
Từ 11/2011 đến 01/2014	Trưởng ban tổ chức nhân sự - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
Từ 01/2014 đến 07/2015	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư Vinaconex – PVC	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2015 đến 06/2018	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2018 đến 11/2019	Phó giám đốc – Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	Phó giám đốc
Từ 11/2019 đến 06/2020	Phó giám đốc - Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland): Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú
Từ 06/2020 đến 11/2022	Phó giám đốc - Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland): Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát; Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát; TV độc lập HĐQT PVC-IC
Từ 11/2022 đến nay	Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVCIC)	TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát; Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N
 - + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 8.000.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Thành viên HĐQT - **Trần Ngọc Lâm**

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 05/03/1971
- Nơi sinh: Số 36 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: P. Đông Hương, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 72 ngõ Góc Đề, tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà nội
- Nơi ở hiện nay: Số nhà 72 ngõ Góc Đề, tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà nội
- Số CMND: 011854471. Nơi cấp: CA Tp Hà Nội cấp ngày 13/01/2009.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/12/2000 đến 31/12/2000	Chuyên viên phòng KT-KH, Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hà Nội (không tham gia đóng BHXH)	Chuyên viên
Từ 1/2001 đến 5/2002	Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng số 6, Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hà Nội	Phó Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/2002 đến 2/2004	Đội trưởng đội xây dựng số 2 , Xí nghiệp Khảo sát và đầu tư Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Đội trưởng
Từ 1/2005 đến 5/2007	Phó giám đốc, Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Phó giám đốc
Từ 6/2007 đến 5/2009	Giám đốc Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Giám đốc
Từ 6/2009 đến 7/2009	Phụ trách công tác xây lắp - Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Phụ trách
Từ 8/2009 đến 4/2012	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Phó Tổng Giám đốc
Từ 4/2012 đến 10/2012	Quyền Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Quyền Tổng Giám đốc
Từ 10/2012 đến 11/2013	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	Phó Tổng Giám đốc
Từ 11/2013 đến 9/2014	Chuyên viên văn phòng - Giúp việc Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	Chuyên viên
Từ 9/2014 đến 4/2015	Trưởng bộ phận chuyên trách công tác thu hồi nợ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng bộ phận
Từ 4/2015 đến 10/2016	Chuyên viên văn phòng - Giúp việc Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	Chuyên viên
Từ 10/2016 đến 1/2018	Trưởng Ban Tái cơ cấu và Xử lý nợ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban
Từ 2/2018 đến Đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư và Tái cơ cấu – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam TV độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban; TV độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí
Từ 28/12/2022 đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư và Tái cơ cấu – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban; TV HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- + Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư và Tái cơ cấu Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons).
- + Người đại diện vốn của PetroCons tại Công ty CP Xi măng Hạ Long - Ủy viên HĐQT Công ty CP Xi măng Hạ Long; Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty do Công ty CP Xi măng Hạ Long sở hữu 100% VDL).

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 7.300.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

3) Thành viên HĐQT độc lập - **Trần Sỹ Huân**

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 18/08/1976
- Nơi sinh: Bình định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Bình định.
- Địa chỉ thường trú: 171 Võ Thị Sáu, phường Thắng tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Nơi ở hiện nay: 171 Võ Thị Sáu, phường Thắng tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số CMND: 052076013041 Nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự XH.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Cơ khí.
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1999 đến 09/2020	Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí	Nhân viên kỹ thuật; Phó Giám đốc
Từ 09/2020 đến 11/2022	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam	Trưởng phòng quản lý giao diện
Từ 11/2022 đến nay	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam;	Trưởng phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí;	quản lý giao diện Ủy viên HĐQT độc lập

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.2 Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

a) Danh sách đến 31/12/2022

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Trần Thị Thành Huế	TV BKS; Trưởng ban Kiểm soát	29/06/2020	Cử nhân Quản trị kinh doanh và cử nhân kế toán
2	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS	03/07/2017	Cử nhân kinh tế
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	29/06/2020	Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

b) Tóm tắt lý lịch

1) Trưởng ban Kiểm soát – Trần Thị Thành Huế

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 23/09/1984
- Nơi sinh: Hưng Bình – Vinh- Nghệ An.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hương Thanh – Hương Khê – Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: A5 tầng 12 Chung cư PVC-IC 242 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số CCCD: 040184000905 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh và cử nhân kế toán
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2009 đến tháng 02/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	Kế toán
Từ tháng 04/2017 đến tháng 10/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	Kế toán
Từ tháng 11/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	Kế toán
Từ 29/6/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí.	Trưởng BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 1.000 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Thành viên Ban Kiểm soát – Ngô Trúc Vy

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 03/08/1985
- Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 674C đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu
- Số CMND: 273147418. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu, Ngày cấp: 16/04/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp chính trị

– Quá trình công tác :

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/2005 đến tháng 09/2009	Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí (PVE)	Nhân viên
Từ tháng 07/2011 đến tháng 06/2012	Đội xây lắp Điện nước - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên
Từ tháng 07/2012 đến 07/2017	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên
Từ 08/2017 đến nay	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên, Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (03/12/2021)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần

3) Thành viên Ban kiểm soát - **Ngô Thị Thu Hoài**

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 29/04/1975
- Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Hậu, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: C5F312 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 011892215. Nơi cấp : CA. Hà Nội, Ngày cấp: 28/5/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/1997 đến 5/1997	Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 6/1997 đến 12/2007	Xí nghiệp 9 - Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 01/2008 đến 11/2008	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Nhân viên kế toán
Từ 11/2008 đến 8/2009	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó Ban Tài chính kế toán (TCKT)
Từ 9/2009 đến 12/2009	Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Phụ trách Phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ 3/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 10/2010 đến 6/2013	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 7/2010 đến nay	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán Thành viên BKS kiêm nhiệm

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.3 Thông tin về Ban giám đốc (BGĐ):

a) Danh sách đến 31/12/2022

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07/12/2022	Kỹ sư Xây dựng; Thạc sỹ Xây dựng công trình ngầm
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	01/06/2016	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản
3	Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	04/06/2010	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo

b) Tóm tắt lý lịch

1) Giám đốc Công ty - Lê Minh Hải

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10/12/1976
- Nơi sinh: Phường Văn Miếu, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phường Văn Miếu, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 51 Lê Lai, Phường 1, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Nơi ở hiện nay: 139/20/18 Phan Chu Trinh, Phường 2, TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT.
- Số CMND: 036076016295 Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Cấp ngày 28/06/2021.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng - Thạc sỹ KT XD công trình ngầm.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T11/2001 đến T3/2006.	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.	Cán bộ kỹ thuật đội
Từ T4/2006 đến T12/2007.	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Cán bộ Kỹ thuật công trường
Từ T1/2008 đến T3/2009.	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đội trưởng Đội công trình số 1

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T4/2009 đến T10/2009.	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đảng viên, Phó Tổng Giám đốc
Từ T11/2009 đến T5/2011.	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc
Từ T6/2011 đến T4/2014	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Giám đốc -
Từ T5/2014 đến T6/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT
Từ T6/2018 đến T2/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Bí thư Đảng bộ, Ủy viên HĐQT
Từ T2/2021 đến T4/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Chuyên viên
Từ T4/2022 đến T2/2022	Công ty TNHH Thiện Long	Chuyên gia
Từ T12/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Phó Giám đốc - **Nguyễn Văn Hoàn**

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10/9/1965
- Nơi sinh: Yên Tân, Ý Yên, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Ý Yên, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 65 Lương Thế Vinh, Phường 9, TP.Vũng Tàu.
- Nơi ở hiện nay: 56A Yên Bái, Phường 4, TP.Vũng Tàu.

- Số CMND: 273353672. Nơi cấp: CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Ngày cấp: 08/6/2006.
- Trình độ văn hóa: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 đến 03/1999	Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kiểm soát viên thuế
Từ 04/1999 đến 07/2002	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kế toán tổng hợp
Từ 08/2002 đến 06/2005	Xí nghiệp Xây dựng số 1 – thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 07/2005 đến 11/2005	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2005 đến 11/2006	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Phụ trách Ban Kiểm soát
Từ 12/2006 đến 03/2008	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 03/2008 đến 07/2012	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP cầu kiện bê tông DIC Tím Nghĩa. - Công ty CP DIC Long Hưng. - Công ty CP DIC Minh Hưng. - Công ty CP DIC Vật liệu	Trưởng Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 08/2012 đến 06/2013	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP DIC Phương Nam. - Công ty CP DIC Đồng Tiến. - Công ty CP DIC Hội An. - Công ty CP Gạch men Anh Em DIC.	Giám đốc Ban Đầu tư & Quản lý vốn. Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 07/2013 đến 03/2016	Công ty CP Du lịch & Thương mại DIC – thuộc Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2016 đến 05/2016	Nghỉ làm thủ tục chuyển công tác	
Từ 06/2016 đến 10/9/2018	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí – thuộc Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 09/2018 đến	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp	Thành viên HĐQT

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2021	& Dân dụng Dầu khí	kiêm Phó Giám đốc
Từ đến 12/2021 nay	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

3) Phó Giám đốc – **Phạm Mạnh Cường**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 11/7/1970
- Nơi sinh: Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 24D7 Phan Kế Bính, Phường 9, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273546991. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày cấp: 30/11/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1998 đến 12/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 01/2004 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 4/2006 đến	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty	Phó Trưởng phòng

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2007	Cổ phần Xây lắp Dầu khí	
Từ 8/2007 đến 11/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty TNHH ITV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2009 đến 02/2010	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 3/2010 đến 3/2010	Công trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc Dự án
Từ 4/2010 đến 26/4/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 27/4/2017 đến 20/7/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Từ 21/7/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.4 Thông tin về Kế toán trưởng (KTT):

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Tổng Hợp – Lê Ngọc Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/05/1967
- Nơi sinh: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Đồng Đa, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
- Số CMND: 273375374. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu Ngày cấp: 20/09/2008
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý công nghiệp
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1985 đến 06/1987	Trung đoàn 414 - Quân khu 4	Bộ đội
Từ 8/1988 đến 7/1991	Trường Trung cấp Thống kê II	Sinh viên
Từ 12/1991 đến 12/1994	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán Vật tư, kế toán Ngân hàng
Từ 01/1995 đến 10/2006	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán Tổng hợp, kế toán công nợ
Từ 11/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 8/2007 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến 4/2008	Xí nghiệp Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 5/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2009 đến 19/02/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Ngày 20/02/2013 đến 04/09/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Ngày 05/09/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Tổng hợp

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

2.2.1 Thông tin Hội đồng quản trị.

a) Giai đoạn từ 01/01/2022 đến hết ngày 29/11/2022

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bầu/Bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	- Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	28/12/2021 28/01/2022	29/11/2022 29/11/2022
2	Ông Trần Ngọc Lâm	- Thành viên HĐQT	28/12/2021	
3	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HĐQT độc lập	28/12/2021	29/11/2022

b) Giai đoạn từ 29/11/2022 đến hết ngày 31/12/2022

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bầu/Bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	29/11/2022 29/11/2022	
2	Ông Trần Ngọc Lâm	- Thành viên HĐQT	28/12/2021	
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HĐQT độc lập	29/11/2022	

2.2.2 Thông tin Ban giám đốc

a) Giai đoạn từ 01/01/2022 đến 07/12/2022

Stt	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc	Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ QTKD		07/01/2022
2	Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng – Cảnh công trình biển	07/01/2022 (Có hiệu lực từ ngày 10/01/2022)	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàn	10/09/1965	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản	01/06/2016	
4	Ông Phạm	11/07/1970	Kỹ sư Công nghệ	04/06/2010	

Stt	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
	Mạnh Cường		chế tạo máy - ngành CK chế tạo		

b) Giai đoạn từ 07/12/2022 đến 31/12/2022

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng – Cảng công trình biển		07/12/2022
2	Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng; Thạc sỹ Xây dựng công trình ngầm	07/12/2022	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàn	10/09/1965	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản	01/06/2016	
4	Ông Phạm Mạnh Cường	11/07/1970	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo	04/06/2010	

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là 47 người.
- Cơ cấu lao động của công ty:

Stt	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Phân theo giới tính		
1	Nam	33	
2	Nữ	14	
3	Tổng	47	
II	Phân theo trình độ chuyên môn		
1	Thạc sĩ	02	
2	Đại học	15	
3	Cao đẳng	02	
4	Trung cấp	01	
5	Cán sự và nhân viên khác	-	
6	Dạy nghề và lao động phổ thông	27	

Stt	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
7	Tổng	47	
II	Lương bình quân/người (cả năm 2022)	8.500.000 đồng	

- Chính sách đào tạo: Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì nguồn nhân lực có chất lượng cao là một nhân tố then chốt dẫn đến thành công của các công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề để đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Chính sách lương: Công ty xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng và hệ thống thang bảng lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt ban hành theo quyết định số 22/QĐ-CNDD ngày 01/3/2018 thay thế cho Quy chế trả lương, trả thưởng ban hành kèm theo quyết định số 42/QĐ-CNDD ngày 01/3/2016. Việc trả lương của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, gắn liền với năng suất, chất lượng đồng thời khuyến khích Người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành công việc được giao.
- Các chính sách đãi ngộ khác
 - ✓ Người lao động làm việc tại PVC-IC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
 - ✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
 - ✓ Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVC-IC.
 - ✓ Có kế hoạch phát động phong trào thi đua tại Công ty hàng quý, năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Theo chủ trương chung, việc thoái vốn các dự án bất động sản đã được triển khai, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì công tác đầu tư, thoái vốn các Dự án Bất động sản cũng đang gặp những khó khăn vướng mắc nhất định. Cụ thể đó là :

- ✓ Dự án 242 Nguyễn Hữu Cánh, đã hoàn thành, công nợ còn phải thu của khách hàng mua căn hộ là 119 triệu đồng; Khó khăn bị vướng pháp lý sở hữu của khách hàng mua căn hộ làm ảnh hưởng đến Công ty.

- ✓ Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát với giá trị đầu tư 12,9 tỷ đồng đã có kế hoạch thoái vốn cho CĐT, tuy nhiên dự án này Chủ đầu tư chưa triển khai các thủ tục thoái vốn;
- ✓ Dự án Khu phức hợp Thương mại – Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30 tháng 4, phường 9 thành phố Vũng Tàu với Tổng mức đầu tư là 798.955.000.000 đồng. Đến 31/12/2021 đã hoàn thành đưa dự án vào sử dụng, bàn giao toàn bộ 486 căn hộ cho khách hàng, chuyển nhượng toàn bộ 05 sàn thương mại. Đối với diện tích bãi đậu xe tại tầng hầm dự án thuộc sở hữu Công ty, nếu đủ điều kiện Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng để thu hồi vốn đầu tư bổ sung dòng tiền phục vụ SXKD. Trong năm 2023 sẽ hoàn thành quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	366.861.950.727	356.416.059.580	97,15%
2. Doanh thu thuần	(18.524.457.559)	7.595.168.032	-41,00%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(32.066.491.917)	(4.450.600.517)	13,88%
4. Lợi nhuận khác	1.747.258.860	(426.083.485)	-24,39%
5. Lợi nhuận trước thuế	(30.319.233.057)	(4.876.684.002)	16,08%
6. Lợi nhuận sau thuế	(30.319.233.057)	(4.876.684.002)	16,08%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	0,00%

Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,0330	2,0195	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,1326	1,0472	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4801	0,4858	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,9235	0,9446	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,0554	0,0326	
+ Vòng quay tổng tài sản:	0,0464	0,0210	

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,6367	(0,6421)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,1590)	(0,0266)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,0826)	(0,0137)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,7310	(0,5860)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần PXI đang lưu hành là: 30.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần phổ thông là: 30.000.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 03/11/2022

Stt	Danh mục	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	Tổng số lượng cổ phiếu	30.000.000	100,00%	3.495	13	3.482
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)	15.300.000	51,00%	1	1	0
2	Cổ đông khác (Sở hữu dưới 5% cổ phiếu)	14.700.000	49,00%	3.494	12	3.482
	- Trong nước:	14.634.120	48,78%	3.476	13	3.463
	- Nước ngoài:	65.880	0,22%	19	0	19
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không tính toán, tuy nhiên được đánh giá ở mức thấp nhất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Hạn chế tối đa và tiết kiệm trong sử dụng năng lượng phục vụ sản xuất kinh doanh

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: thấp hơn 1.000 tấn.
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do loại hình ngành nghề kinh doanh nên vật liệu Công ty sử dụng không thể tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng điện sản xuất của các Công ty điện lực của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 177.604.021 đồng.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng nước sản xuất của các Công ty cấp nước của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 226.209.560 đồng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Công ty chưa bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng người lao động: Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2022: 47 người, trong đó: Bộ phận gián tiếp các phòng ban: 19 người, Các đội, CB kỹ thuật, CN: 28 người. Mức lương bình quân năm 2022 là 8,5 triệu đồng/người/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó

khăn. Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với tất cả người lao động. Chi trả trợ cấp thôi việc chưa đầy đủ cho lao động nghỉ chế độ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về sản lượng xây lắp thực hiện năm 2022 tiếp tục rất khó khăn đối với Công ty trong hoạt động SXKD, giá trị sản lượng chỉ thực hiện tại Dự án Thái Bình 2 đang triển khai, các công trình, dự án mới chưa có để thực hiện. Trong kế hoạch xây dựng giá trị SXKD năm 2022 gồm các Công trình dự án sau:

Stt	Tên công trình/Dự án	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng)	Tình trạng triển khai
1	Công trình Nanogen TPHCM giai đoạn 2	25,00	Chủ đầu tư dừng dự án
2	Công trình chung cư số 281 Thống Nhất TP. Vũng Tàu	25,00	Chủ đầu tư dừng dự án
3	Các công trình khác	2,00	Không thực hiện

- Năm 2022 các công trình năm kế hoạch đã không triển khai thực hiện được. Đồng thời, công tác đầu tư hầu như không triển khai đầu tư mới do chủ trương chung của Nhà nước, Các cấp quản lý, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về thoái vốn các dự án Bất động sản để tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính... Do vậy, Giá trị SXKD năm 2022 từ hoạt động xây lắp chủ yếu từ phần việc còn lại tại Dự án Thái Bình 2 và một phần cho thuê máy móc, thiết bị ... Tỷ lệ đạt 37,65% kế hoạch năm.
- Về doanh thu: Từ giá trị sản lượng thực hiện năm 2022 dẫn đến, tổng doanh thu năm 2022 cũng thu được từ hoạt động xây lắp tại Dự án Thái Bình 2 và cho thuê máy móc, thiết bị, khai thác tài sản ... với giá trị ước đạt 33,05% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: Với hai chỉ tiêu sản lượng và doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đều không hoàn thành chỉ tiêu, tuy nhiên chi phí quản lý, chi phí lãi vay, khấu hao tài sản, giá vốn công trình không giảm là 8,32 tỷ đồng, đồng thời tiền phạt chậm

nộp tiền thuê đất, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội nên hiệu quả sản xuất âm 4,88 tỷ đồng trong năm 2022. Lũy kế sẽ tiếp tục tăng thêm trong năm tài chính 2022 nếu Công ty tiếp tục phải hạch toán khoản chi phí xây dựng dở dang tại dự án đầu tư trên khu đất số 35D đường 30/4 là 14 tỷ đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 30/12/2015 về chuyển giao sử dụng dịch vụ trên đất số 35D đường 30/4 sẽ ghi nhận khoản lỗ thêm khoảng 5 tỷ đồng.

- Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo kế hoạch năm: 4,5 tỷ đồng; Thực hiện 4,78 tỷ đồng. Đạt 106,22% kế hoạch năm; Hiện nay Công ty vẫn còn nợ Thuế khoảng 30 tỷ đồng chưa thu xếp được nguồn để nộp.
- Hoạt động đầu tư: Không thực hiện đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đang triển khai dở dang.
- Thu nhập bình quân: Theo kế hoạch năm: 9,8 triệu đồng; Thực hiện 8,5 triệu đồng. Đạt 86,73% kế hoạch năm;
- Công ty cơ bản đã đạt được những tiến bộ trong năm 2022 so với các năm trước. Cụ thể năm 2022 Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực lãnh đạo, triển khai từng bước để đạt được những mục tiêu kinh tế đã đề ra, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tạo sự đồng lòng đoàn kết trong toàn Công ty và tạo được niềm tin của khách hàng cũng như các cổ đông vào sự phát triển ngày càng bền vững của Công ty

2. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài sản: Năm 2022 so với năm 2021 tổng tài sản giảm 10.445.891.147 đồng, tương ứng giảm 2,85%; Nợ phải thu quá hạn không thu được nên ảnh hưởng đến tình hình thanh toán nợ phải trả.
- b) Tình hình nợ phải trả
 - Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Đến ngày 31/12/2022 nợ phải trả là 173.135.397.847 đồng. Trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn: 160.498.151.263 đồng.
 - + Nợ dài hạn: 12.637.246.584 đồng
 - Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Sau khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 11/2022 để kiện toàn nhân sự HĐQT. Ban lãnh đạo công ty đã lập tức thực hiện các biện pháp nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự Ban giám đốc, phòng ban trong Công ty. Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với cơ chế SXKD của Công ty. Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Cụ thể:

- Ban giám đốc đã trình Hội đồng quản trị phương án thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ tháng 12/2022 và phương án Tái cấu trúc định biên các phòng nghiệp vụ liên quan.
- Bổ nhiệm đầy đủ nhân sự vào Ban giám đốc Công ty, theo đó Ông Lê Minh Hải làm Giám đốc Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Hưng do điều động nhân sự của đơn vị quản lý.
- HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban giám đốc kiểm tra rà soát lại các quy chế nội bộ để điều chỉnh/bổ sung cho phù hợp với tình hình SXKD hiện tại, đồng thời tập trung tái cơ cấu các khoản nợ, lập kế hoạch thu hồi công nợ để thu hồi vốn phục vụ SXKD cho năm 2023.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Ban giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các phòng ban chuyên môn, sự cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty tiếp tục củng cố và khẳng định lại vị thế của Công ty trên thị trường, kiểm soát và điều hành tốt các hoạt động SXKD, cụ thể:

4.1. Công tác tổ chức quản lý

- Xây dựng và hoạch định chiến lược Công ty từ nay cho đến năm 2030;
- Thực hiện tốt công tác kế hoạch thường kỳ và năm 2023;
- Thúc đẩy đầu tư nghiên cứu ứng dụng tiên bộ, công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại trong sản xuất .
- Đào tạo, tuyển dụng bổ sung nâng cao năng lực quản trị, điều hành;
- Phát huy giá trị cốt lõi Công ty: Sáng tạo – Tốc độ - Tin cậy tạo động lực phát triển và thu được nhiều thành công trong mọi hoạt động SXKD;
- Năm 2023, nhân sự bộ máy lãnh đạo, quản lý trong Công ty tiếp tục được bổ sung, sắp xếp và kiện toàn , đáp ứng cơ bản các yêu cầu nhiệm vụ SXKD;
- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại mô hình tổ chức, mở rộng ngành nghề kinh doanh;
- Công tác tuyển dụng, đào tạo được chú trọng nhằm hướng tới chất lượng nguồn nhân lực;
- Đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh quản lý tại các phòng/ban;
- Tiếp tục sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty nhằm bổ sung hoàn thiện cho quy trình quản lý hệ thống.

4.2. Đảm bảo việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động

- Song song với việc phát triển SXKD, Công ty luôn tập trung chú trọng đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động trong Công ty.

- Thu nhập của người lao động ổn định trong giai đoạn này đồng thời sẽ phần đầu tiếp tục tăng trong tương lai. Các khoản thu nhập và bảo hiểm được chi trả kịp thời cho người lao động theo cam kết của Hợp đồng lao động.
- Các chế độ chính sách được cập nhật/điều chỉnh kịp thời.

4.3. Công tác kế hoạch, thị trường

- Công tác xây dựng kế hoạch, triển khai kế hoạch SXKD sát thực và đạt kết quả cao. Hệ thống báo cáo, phân tích chính xác kịp thời, giúp việc điều hành, triển khai kế hoạch hàng kỳ đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Công tác kế hoạch được thực hiện chuyên nghiệp hơn, luôn có sự cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, bám sát hoạt động SXKD; Công tác báo cáo chính xác, phản ánh đúng về hoạt động SXKD của Công ty.
- Chú trọng công tác kiểm soát, quản lý hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư, với khách hàng, hồ sơ thanh quyết toán với chủ đầu tư;
- Xây dựng/điều chỉnh quy trình thanh quyết toán nội bộ đối với nhà thầu phụ kịp thời phù hợp với việc hạch toán và xây dựng kế hoạch tài chính hàng kỳ; Công tác thanh quyết toán nội bộ, thanh quyết toán cho các nhà thầu phụ được thực hiện kịp thời, phản ánh chính xác chi phí thực tế, phát sinh trong kỳ phục vụ hạch toán kế toán;
- Tiếp tục định hướng tập trung các công trình/dự án phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Mở rộng thị trường trong toàn khu vực và phạm vi cả nước;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Tại báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2022 ngày 15/08/2022, Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” có giá trị 14.081.452.138 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là giá trị lợi thế kinh doanh của công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nằm trong phần giá trị doanh nghiệp do đánh giá lại khi cổ phần hoá. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp được hạch toán vào “Chi phí trả trước dài hạn” và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; đồng thời, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm chi một khoản tương ứng.
- Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại khu cao ốc văn phòng số 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mặc dù Hợp đồng thuê đất đã hết hạn và Công ty đã làm các thủ tục trình lên các sở ban ngành của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin gia

hạn Hợp đồng, hàng năm Công ty vẫn nộp đầy đủ tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo. Công ty sẽ làm việc với các sở ngành tại địa phương nếu không được gia hạn thời gian thuê đất thì Công ty sẽ phân bổ khoản chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2022.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Việc đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của Công ty được dựa theo 04 tiêu chí sau đây:

- Bảo vệ chất lượng môi trường sống: Thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường; khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, Công ty đạt mức trung bình khá.
- Bảo vệ sức sống hệ sinh thái: Thực hiện bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển rừng, Công ty đạt mức trung bình.
- Bảo vệ hệ thống khí hậu: Thực hiện sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế tối đa sử dụng nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất, Công ty đạt mức trung bình
- Năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ môi trường; đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí bộ phận, nhân lực quản lý về bảo vệ môi trường; thường xuyên làm việc với cơ quan quản lý địa phương về môi trường để phối hợp thực hiện các yêu cầu.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.
- Bên cạnh việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, Công ty đã xây dựng quy chế về bảo hộ lao động, hướng dẫn và áp dụng thống nhất quy chế này trong toàn bộ đơn vị.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Ban Giám đốc Công ty luôn làm đúng trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn cho kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi vừa chấm dứt dịch Covid-19 làm ảnh hưởng rất lớn đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.



Đối với Công ty, trong năm 2022 tất cả các chỉ số chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh đều không đạt, thực hiện với tỷ lệ rất thấp so với kế hoạch đề ra. Một số nguyên nhân khách quan như sau:

- Về giá trị sản lượng: Công trình/dự án trong năm kế hoạch đều không triển khai được do Chủ đầu tư chưa sẵn sàng thực hiện mà nguyên nhân là bị ảnh hưởng của nền kinh tế sau dịch covid-19;
- Về lợi nhuận: Một số hợp đồng/Dự án thực hiện trước đây sau khi xác định giá trị quyết toán giảm rất nhiều so với dự kiến trước đây, dẫn đến lợi nhuận âm trong năm 2022. Ngoài ra, các khoản phát sinh nộp phạt do Công ty chưa nộp các khoản thuế trong năm ảnh hưởng một phần trong chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

Từ 2 chỉ tiêu SXKD chính nói trên đã phản ánh rõ những khó khăn trong năm 2022 của Công ty, tuy nhiên bằng nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Nhân viên Công ty trong khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô, vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến bao gồm:

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, hoàn thành công tác thanh quyết toán các hợp đồng với chủ đầu tư, đối tác để phục vụ công tác hạch toán tài chính một cách chính xác nhất;
- Tập trung hoàn thành công tác đầu tư tại dự án Khu ohuwcs hợp văn phòng, dịch vụ và căn hộ tại số 33A đường 30/4 phường 9 thành phố Vũng Tàu để quyết toán vốn đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư. Theo kế hoạch sẽ hoàn thành trong Quý 2 năm 2023;
- Cơ cấu lại các khoản nợ khách hàng, đàm phán với khách hàng để giảm nợ.
- Cơ cấu lại các phòng ban chức năng nghiệp vụ trong Công ty để phù hợp với mô hình, cơ cấu hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2023.
- Thực hiện phương án thoái vốn góp tại các doanh nghiệp khác.
- Trả lương, thưởng, chế độ và đóng Bảo hiểm đầy đủ cho người lao động trong Công ty.
- Khai thác tối đa tài sản trong Công ty bằng việc cho khách hàng thuê nhằm tạo nguồn thu.
- Bảo vệ an toàn sức khỏe Nhân viên và gia đình; áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động trong tình hình diễn biến của dịch covid-19 nếu tiếp tục xảy ra;
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.

Về thực hiện trách nhiệm môi trường và xã hội: Cơ bản Ban giám đốc đã thực hiện tốt trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. cụ thể, trong năm 2022 Công ty không bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật

liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường. Đối với trách nhiệm xã hội Công ty đã kê khai đầy đủ các khoản thuế/phí phải nộp cho Cơ quan quản lý nhà nước, đóng góp đầy đủ các khoản hỗ trợ an sinh xã hội, đặc biệt là các chế độ chính sách đối với người lao động. Mặt hạn chế năm 2022 là Công ty chưa nộp đủ số tiền thuế/phí do hiện đang khó khăn về tài chính.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Để duy trì ổn định bộ máy quản lý điều hành Công ty đối với năm 2022, Ban giám đốc đã thực hiện được một số nội dung cơ bản nhằm dần ổn định doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn của năm 2022, mặc dù kết quả kinh doanh không đạt mục tiêu kế hoạch, không thể không kể đến sự đóng góp của Ban Giám đốc, các thành viên trong Ban Lãnh đạo và toàn thể Cán bộ, Nhân viên của Công ty. HĐQT đánh giá cao hoạt động điều hành của Ban Giám đốc năm vừa qua.

Trong điều hành sản xuất, Ban Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Có những ý kiến đề xuất để thực hiện nhiệm vụ SXKD thực tế, khoa học sát với tình hình của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

Kết quả kinh doanh năm 2022 như đã trình bày ở phần trên là một thách thức lớn cho Công ty khi xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2023. Tuy nhiên, kết quả này cũng cho thấy với sự nỗ lực của tập thể và việc tận dụng các thế mạnh của Công ty, tận dụng các cơ hội từ thị trường, Công ty có thể đạt được các thành tựu cao hơn nữa trong năm 2023 và các năm tiếp theo. HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2023 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
- Tăng cường công tác tiếp thị công trình/dự án phù hợp với ngành nghề SXKD để ký hợp đồng thực hiện; Mở rộng ngành nghề kinh doanh để tăng doanh thu và lợi nhuận;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Cổ đông và nguồn vốn vay khác nếu có; Đổi mới cách quản lý, giám sát nhằm gia tăng cạnh tranh, tạo tối đa lợi nhuận cho Công ty.
- Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới, các dự án/công trình mới trong năm 2023.
- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các Bên liên quan.

V. Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*



a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	TV HĐQT; Chủ tịch HĐQT	8.000.000 (26,67%)	TGĐ Công ty cổ phần Tập đoàn T.N
2	Ông Trần Ngọc Lâm	TV HĐQT	7.300.000 (24,33%)	- Trưởng ban KH&TCC TCT PetroCons. - Thành viên HĐQT Công ty Xi măng Hạ long. - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ long. - Thành viên HĐQT Công ty PVC-ID
3	Ông Trần Sỹ Huân	TV HĐQT độc lập	0%	Trưởng phòng quản lý giao diện Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- + Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban giám đốc để triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chỉ đạo đã đề ra;
- + Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp mở rộng có Ban giám đốc tham gia;
- + Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành Sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản báo cáo của Ban giám đốc gửi Hội đồng quản trị;
- + Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát với hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

Stt	Nội dung cuộc họp	Thời gian tổ chức	Kết quả	Ghi chú
1	Công tác cán bộ của Công ty PVC-IC - Miễn nhiệm Ông Hồ Sỹ Hoàng- Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Hưng	07/01/2022	Thông qua	
2	Họp HĐQT mở rộng Quý I/2022	16/02/2022	Thông qua	

Stt	Nội dung cuộc họp	Thời gian tổ chức	Kết quả	Ghi chú
3	Thông qua kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2022	15/04/2022	Thông qua	
4	Biên bản họp giữa người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-IC và HĐQT, Ban Giám đốc	06/05/2022	Thông qua	
5	Biên bản họp HĐQT mở rộng kỳ 4 tháng 6/2022	21/07/2022	Thông qua	
6	Hội nghị công tác Quy hoạch cán bộ gia đoạn 2026-2031 của PVC-IC	24/08/2022	Thông qua	
7	Xem xét xử lý đơn của ông Nguyễn Quang Hưng	21/11/2022	Thông qua	
8	Kiện toàn nhân sự chức danh TV HĐQT, Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025	25/11/2022	Thông qua	
9	Đề cử và bầu nhân sự giữ chức danh Chủ tịch HĐQT công ty PVC-IC nhiệm kỳ 2020-2025	29/11/2022	Thông qua	
10	Kiện toàn nhân sự Giám đốc Công ty	05/12/2022	Không thông qua	Không đủ tỷ lệ thành phần dự họp
11	Kiện toàn nhân sự Giám đốc Công ty	06/12/2022	Thông qua	

- Các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị trong năm 2022:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	NGHỊ QUYẾT			
1	02/NQ-CNDD-HĐQT	07/01/2022	Chấp thuận miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc PVC-IC (Miễn nhiệm Ông Hồ Sỹ Hoàng - Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Hưng)	100%
2	06/NQ-CNDD	12/01/2022	Chấp thuận giới thiệu nhân sự bầu Chủ tịch HĐQT PVC-IC. (Bầu ông Hồ Sỹ Hoàng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT)	100%
3	09/NQ-CNDD	18/01/2022	Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 PVC-IC (Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt)	100%
4	12/NQ-HĐQT	28/01/2022	Bầu chủ tịch HĐQT Công ty PVC-IC (Bầu ông Hồ Sỹ Hoàng)	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	142/CNDD-HĐQT-NQ	11/03/2022	Chấp thuận ký Phụ lục bổ sung số 13 của hợp đồng CD02/2016/SH1-PVC-PVC.IC ký ngày 25/4/2016	100%
6	25/CNDD-HĐQT-NQ	21/03/2022	Chấp thuận việc gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng HĐ số 21-2014-HĐKT-PVC-IC ngày 15-4-2014	100%
7	31/NQ-CNDD-HĐQT	19/04/2022	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2022 của Công ty PVC-IC	100%
8	32/NQ-CNDD-HĐQT	19/04/2022	Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022	100%
9	36/CNDD-HĐQT-NQ	13/05/2022	Chấp thuận đề Tổng thầu EPC (PetroCons) thay mặt Công ty mở bảo lãnh thanh toán khoản tiền Công ty đang nợ CTy CPĐT khoáng sản Đại Dương	100%
11	38/NQ-CNDD-HĐQT	17/05/2022	Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	100%
12	42/NQ-CNDD/HĐQT	24/05/2022	Phê duyệt phương án và bổ sung kinh phí xây lắp cho dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ- Văn phòng và căn hộ PVC-IC Dimond (Bổ sung hệ thống gom khí dư tại tầng hầm 2)	100%
13	48/NQ-CNDD-HĐQT	31/05/2022	Thông qua chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 PVC-IC	100%
14	52/NQ-CNDD	13/06/2022	Chấp thuận việc gia hạn, sửa đổi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Hợp đồng số XD02/2016/SH1-PVC-PVCIC ngày 25/4/2016	100%
15	68/CNDD-NQ-HĐQT	08/07/2022	phê duyệt đơn vị tư vấn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của PVC-IC	100%
16	71/NQ-CNDD-HĐQT	12/07/2022	Phê duyệt phương án kinh doanh khu đất 35K đường 30/4, phường 9, TPVT	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	75/NQ-CNDD-HĐQT	14/07/2022	Phê duyệt đơn vị tư vấn Kiểm toán Khu phức hợp TM-DV-VP tại 33A đường 30/4	100%
18	76/NQ-CNDD-HĐQT	14/07/2022	Chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC_IC ngày 15/4/2022	100%
19	100/NQ-CNDD-HĐQT	14/10/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng CĐ bất thường tháng 11/2022	100%
20	105/NQ-CNDD-HĐQT	20/10/2022	Chấp thuận việc gia hạn bảo lãnh thực hiện HĐ và bảo lãnh tạm ứng HĐ của HĐ số 21/2014/HĐKT/PVC-PVC.IC ngày 15/4/2014	100%
21	111/NQ-CNDD-HĐQT	04/11/2022	Thông qua chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 PVC-IC	100%
22	122/NQ-CNDD-HĐQT	16/11/2022	Thông qua và bổ sung nội dung chương trình ĐHCĐ bất thường tháng 11-2022 của PVC-IC	100%
23	136/NQ-CNDD-HĐQT	22/11/2022	Điều chỉnh thời gian nhận hs đề cử, ứng cử TV HĐQT tại ĐH CĐ bất thường tháng 11-2022	100%
24	139/NQ-CNDD-HĐQT	25/11/2022	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT PVC-IC đối với ông Hồ Sỹ Hoàng	100%
25	141/NQ-CNDD-HĐQT	29/11/2022	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty PVC-IC ông Ngô Bùi Ngọc nhiệm kỳ 2020-2025	100%
26	151/NQ-CNDD-HĐQT	06/12/2022	Chấp thuận kiện toàn chức danh Giám đốc PVC-IC	100%
27	159/NQ-CNDD-HĐQT	22/12/2022	V/v chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng xây dựng XD02-2016-SH1-PVC-PVC-IC	100%
28	160/NQ-CNDD-HĐQT	22/12/2022	V/v chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC_IC ngày 15/4/2022	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
II	QUYẾT ĐỊNH			
1	03/QĐ-CNDD-HĐQT	07/01/2022	V/v Miễn nhiệm Giám đốc Công ty	100%
2	04/QĐ-CNDD-HĐQT	07/01/2022	V/v Bổ nhiệm Giám đốc Công ty	100%
3	15/QĐ-CNDD-HĐQT	16/02/2022	V/v Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty	100%
4	30/QĐ-CNDD-HĐQT	18/04/2022	V/v Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT PVC-IC	100%
10	40/QĐ-CNDD/HĐQT	23/05/2022	V/v Bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 04/QĐ-CNDD/HĐQT ngày 07/01/2022 V/v bổ nhiệm Giám đốc Công ty PVC-IC	100%
11	74/CNDD-QĐ-HĐQT	14/07/2022	Phê duyệt nội dung Quy chế phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc	100%
12	109/QĐ-CNDD-HĐQT	04/11/2022	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 11/2022 của PVC-IC	100%
13	110/QĐ-CNDD-HĐQT	04/11/2022	Thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự ĐHCĐ bất thường tháng 11/2022 của PVC_IC	100%
14	152/QĐ-CNDD-HĐQT	07/12/2022	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc PVC-IC, Miễn nhiệm Ông Nguyễn Quang Hưng	100%
15	153/QĐ-CNDD-HĐQT	07/12/2022	Bổ nhiệm Giám đốc PVC-IC, Bổ nhiệm Ông Lê Minh Hải	100%

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến và trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu từ HĐQT.
 - Hoạt động của các tiểu ban: Công ty chưa có các tiểu ban..
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
-----	-----------------	---------	---------------------------------------	---

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	Có	-
2	Ông Trần Ngọc Lâm	- Thành viên HĐQT	-	-
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HĐQT độc lập	-	-

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Trần Thị Thành Huế	TV BKS; Trưởng ban Kiểm soát	1.000 (0,003%)	
2	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS	0	
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	10.000 (0,033%)	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán TCT PetroCons

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán.

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, cũng như tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- + Thực hiện việc giám sát hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; Đã thực hiện Giám sát tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo thường xuyên, định kỳ và các vấn đề phát sinh thuộc trách nhiệm giám sát của Ban kiểm soát.
- + Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Nghị quyết số 02/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 11 năm 2022 của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.
- + Tham gia một số các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT-BGD Công ty về việc sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Xem xét, đối chiếu rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý, Rà soát các báo cáo hàng quý của Ban giám đốc và trong các báo cáo của Ban

kiểm soát điều kiện nghị, khuyến cáo Hội đồng quản trị, ban giám đốc những vấn đề cần triển khai, bổ sung, làm rõ.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2022:

Stt	Nội dung cuộc họp	Thời gian tổ chức	Kết quả	Ghi chú
1	Tình hình hoạt động SXKD và Thẩm định báo cáo tài chính quý IV năm 2021	25/02/2022	Thông qua 100%	
2	Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	26/03/2022	Thông qua 100%	
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022	12/05/2022	Thông qua 100%	
4	Báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022	29/08/2022	Thông qua 100%	
5	Công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh quý III năm 2022	03/11/2022	Thông qua 100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a1) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của HĐQT:

- Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022: **357.666.991** đồng, chi tiết như sau:

♣ **Giai đoạn từ 01/01/2022 đến hết ngày 29/11/2022:**

- (1) Ông Hồ Sỹ Hoàng -Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty (Tiền lương): **248.796.355 đồng**
- (2) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên độc lập HĐQT (Thù lao): **38.500.000 đồng**
- (3) Ông Ngô Bùi Ngọc - Thành viên HĐQT độc lập Công ty (Thù lao): **35.000.000 đồng**

♣ **Giai đoạn từ 29/11/2022 đến hết ngày 31/12/2022:**

- (1) Ông Ngô Bùi Ngọc - Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT (Tiền lương): **28.370.636 đồng**
- (2) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT (Thù lao): **3.500.000 đồng**
- (3) Ông Trần Sỹ Huân - Thành viên độc lập HĐQT (Thù lao): **3.500.000 đồng**

- Chi phí và lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT:

Năm 2022 Công ty đã chi tiền công tác phí cho Thành viên HĐQT về Văn phòng Công ty dự họp, với số tiền chi trong năm là: **38.736.000 đồng**.

Ngoài tiền lương và thù lao như báo cáo tại Mục [a1] nêu trên và tiền công tác phí, Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT không có chi phí và lợi ích nào khác.

a2) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác Ban kiểm soát:

- Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2022 với tổng chi phí là **182.087.727** đồng, cụ thể :
 - (1) Bà Trần Thị Thành Huế - Trưởng ban (Tiền lương): **170.087.727 đồng**
 - (2) Bà Ngô Trúc Vy – Thành viên (Thù lao): **0 đồng**
 - (3) Bà Ngô Thị Thu Hoài - Thành viên (Thù lao): **12.000.000 đồng**
- Chi phí và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát:
Năm 2022, Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát không có chi phí và lợi ích nào khác ngoài tiền lương và thù lao như báo cáo nêu trên.

a3) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của Ban Giám đốc:

- (1) Ông Hồ Sỹ Hoàng – Giám đốc Công ty từ 01/01/2022 đến 10/01/2022 (Tiền lương): **0 đồng;**
 - (2) Ông Nguyễn Quang Hưng – Giám đốc Công ty từ 10/01/2022 đến 07/12/2022 (Tiền lương): **239.554.899 đồng**
 - (3) Ông Lê Minh Hải – Giám đốc từ 07/12/2022 đến 31/12/2022 (Tiền lương): **18.556.364 đồng**
 - (4) Ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Giám đốc Công ty (Tiền lương): **227.465.817 đồng**
 - (5) Ông Phạm Mạnh Cường – Phó Giám đốc Công ty (Tiền lương): **228.195.431 đồng**
 - (6) Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng (Tiền lương): **207.002.728 đồng**
- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.
- Ngày 31/12/2021 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ ông Hồ Sỹ Hoàng – Thành viên Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc Công ty đăng ký bán 54.700 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch là từ ngày 07/01/2022 đến ngày 27/01/2022.
 - Ngày 10/01/2022 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đã bán 61.000 cổ phiếu, thời gian thực hiện giao dịch 28/12/2021 đến ngày 10/01/2022.
 - Ngày 09/02/2022 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ ông Hồ Sỹ Hoàng Chủ tịch HĐQT Công ty đăng ký bán 54.700 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch là từ ngày 15/02/2022 đến ngày 11/03/2022.

- Ngày 16/03/2022 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ ông Hồ Sỹ Hoàng – Chủ tịch HĐQT Công ty đăng ký bán 54.700 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch là từ ngày 22/03/2022 đến ngày 20/04/2022.
- Ngày 15/04/2022 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đăng ký mua 50.000 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 20/04/2022 đến ngày 19/05/2022.
- Ngày 25/04/2022 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ ông Hồ Sỹ Hoàng – Chủ tịch HĐQT đã bán 0 cổ phiếu do chưa khớp lệnh giao dịch.
- Ngày 19/05/2022 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đã mua 10.000 cổ phiếu, thời gian thực hiện giao dịch 20/04/2022 đến ngày 19/05/2022.
- Ngày 19/05/2022 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đăng ký mua 50.000 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 25/05/2022 đến ngày 23/06/2022.
- Ngày 23/06/2022 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đã mua 0 cổ phiếu lý do thay đổi danh mục đầu tư do biến động thị trường chứng khoán, thời gian thực hiện giao dịch 25/05/2022 đến ngày 23/06/2022.
- Ngày 09/08/2022 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đăng ký bán 10.000 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 15/08/2022 đến ngày 14/09/2022.
- Ngày 16/09/2022 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên BKS Công ty đã bán 0 cổ phiếu lý do không hoàn tất khối lượng giao dịch là giá thị trường chưa đạt kỳ vọng, thời gian thực hiện giao dịch 15/08/2022 đến ngày 13/09/2022.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Các giao dịch trong năm 2022 với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ giữ 51% vốn điều lệ) gồm:

- Giao dịch thanh toán số tiền là 12.207.129.047 đồng của Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC-PVC.IC ngày 15/04/2014 Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.
- Giao dịch thanh toán số tiền là 1.526.628.931 đồng của Hợp đồng 02/2016/SH1 PVC PVC.IC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông hậu 1.

Các giao dịch trong năm 2022 với người có liên quan đến người nội bộ:

- Trong năm 2022, giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh là doanh nghiệp do bà Đặng Thị Thanh góp vốn, làm chủ tịch HĐQT là chị dâu ông Hồ Sỹ Hoàng – Chủ tịch HĐQT Công ty. Hợp đồng mua bán sản thương mại dịch vụ số 01/2017/HĐ/PVC-IC ngày 16/02/2017 Dự án Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ, Biên bản thỏa thuận ngày 24/03/2017. Giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng là: 132.269.962.717 đồng (một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm mười bảy đồng). Ngày 30/06/2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh đã thanh toán số tiền phí bảo trì chung cư 349.894.775 đồng, số còn phải trả đến 31/12/2022 là: 13.000.000.000 đồng.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
 - Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty, cụ thể trong năm 2022 HĐQT Công ty đã bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác điều hành.
 - Công ty chưa thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ do quy mô và cơ cấu hoạt động. Thời gian tới nếu Công ty phát triển thêm ngành nghề, mở rộng kinh doanh sẽ cơ cấu tổ chức thêm các tiểu ban, trong đó có tiểu ban kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

- a) Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ giá trị dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi, tính đến thời lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022 giá trị dự phòng đã trích lập là 66,004 tỷ VND; tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, nếu trích lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng 1,015 tỷ VND và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm 1,015 tỷ VND.
 - ✓ Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đã liên hệ với khách hàng và khách hàng đã đồng ý trả hết số công nợ này. Vì vậy, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền trên.
- b) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư phản hồi. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác và giá trị của các khoản mục nêu trên tại 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022 và liệu có cần điều chỉnh số liệu trên báo cáo

tài chính liên quan đến các khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty

- ✓ Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.
- c) Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là phần còn lại của các hạng mục công trình thuộc dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ số 33 đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với giá trị 33.241.702.671 VND, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán dự án này. Do đó, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và cần thiết liên quan đến việc xác định giá trị phân bổ, nguyên giá của bất động sản đầu tư tương ứng; Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.
 - ✓ Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, số dư chi phí SXKD dở dang của dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ số 33A đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với giá trị 33.241.702.671 VND. Đây là chi phí xây dựng của 123 chỗ đậu xe ô tô tại tầng hầm B2 thuộc sở hữu của chủ đầu tư. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả hồ sơ kiểm toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.
- d) Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.081.452.138 VND (giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.081.452.138 VND) là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị tài sản là Công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm một khoản tương ứng.
 - ✓ Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại khu cao ốc văn phòng số 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mặc dù Hợp đồng thuê đất đã hết hạn và Công ty đã làm các thủ tục trình lên các sở ban ngành của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin gia hạn Hợp đồng, hàng năm Công ty vẫn nộp đầy đủ tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo. Công ty sẽ làm việc với các sở

ngành tại địa phương nếu không được gia hạn thời gian thuê đất thì Công ty sẽ phân bổ khoản chi phí này trong năm 2023.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS (e-copy)
- Ban Giám đốc (e-copy)
- Phòng TC-KT (e-copy)
- Lưu VT; HĐQT; Người PTQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGÔ BÙI NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch	29 tháng 11 năm 2022	
Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên độc lập		29 tháng 11 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch	28 tháng 01 năm 2022	29 tháng 11 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Phụ trách		28 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên		
Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập	29 tháng 11 năm 2022	

Ban Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07 tháng 12 năm 2022	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	10 tháng 01 năm 2022	07 tháng 12 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc		10 tháng 01 năm 2022
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc		

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07 tháng 12 năm 2022	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	10 tháng 01 năm 2022	07 tháng 12 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc		10 tháng 01 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 047/VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ giá trị dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi, tính đến thời lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022 giá trị dự phòng đã trích lập là 66,004 tỷ VND; tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, nếu trích lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng 1,015 tỷ VND và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm 1,015 tỷ VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư phản hồi. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác và giá trị của các khoản mục nêu trên tại 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022 và liệu có cần điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến các khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là phần còn lại của các hạng mục công trình thuộc dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ Số 33, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị 33.241.702.671 VND, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán dự án này. Do đó, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và cần thiết liên quan đến việc xác định giá trị phân bổ, nguyên giá của bất động sản đầu tư tương ứng; Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.081.452.138 VND (giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.081.452.138 VND) là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị tài sản là Công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó mô tả thông tin về việc không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện đối với các khoản phải trả, Công ty chậm thanh toán cho người bán và các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó mô tả thông tin về việc Công ty sẽ bàn giao khu đất tại địa chỉ Số 35, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc thu hồi đất, đồng thời di dời toàn bộ tài sản trên đất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do: (i) Không đánh giá được khả năng thu hồi khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu; (ii) Công ty ghi nhận khoản lợi thế kinh doanh của công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như trình bày tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên đây. Báo cáo kiểm toán chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Viết Thiệu

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.132.242.270	331.846.986.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.853.765.878	45.951.299.542
1. Tiền	111		1.537.765.878	635.299.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.316.000.000	45.316.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.224.096.855	138.914.429.604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	173.830.354.247	190.923.418.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.167.322.590	2.417.563.966
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.230.872.340	11.577.899.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(66.004.452.322)	(66.004.452.322)
III. Hàng tồn kho	140	9	156.054.379.537	146.981.256.951
1. Hàng tồn kho	141		156.054.379.537	147.948.746.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(967.489.376)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.283.817.310	35.014.964.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.897.200.000	12.897.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	12.897.200.000	12.897.200.000
II. Tài sản cố định	220		3.527.185.555	6.258.332.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.527.185.555	6.258.332.875
- Nguyên giá	222		62.847.710.246	64.522.080.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.320.524.691)	(58.263.748.088)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.081.452.138	14.081.452.138
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	14.081.452.138	14.081.452.138
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.777.979.617	1.777.979.617
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.940.000.000	2.940.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.162.020.383)	(1.162.020.383)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		356.416.059.580	366.861.950.727

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		173.135.397.847	176.130.977.923
I. Nợ ngắn hạn	310		160.498.151.263	163.228.389.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	77.422.062.325	84.251.222.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.573.185.405	18.663.185.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	29.034.966.754	26.288.002.656
4. Phải trả người lao động	314		663.794.194	515.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.009.148.994	423.195.472
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	33.249.295.597	32.525.712.862
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	500.000.000	500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.697.994	62.070.216
II. Nợ dài hạn	330		12.637.246.584	12.902.588.584
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	12.637.246.584	12.902.588.584
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.280.661.733	190.730.972.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	183.280.661.733	190.730.972.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(131.238.531.530)	(123.788.220.459)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(126.361.848.959)	(93.468.987.402)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		356.416.059.580	366.861.950.727

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	7.595.168.032	(18.524.457.559)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7.595.168.032	(18.524.457.559)
4. Giá vốn hàng bán	11	22	4.933.656.830	7.926.949.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.661.511.202	(26.451.406.995)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.061.340.483	1.303.176.491
7. Chi phí tài chính	22	25	47.500.005	886.008.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.500.005	869.879.785
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	8.125.950.766	6.032.253.065
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - 26}	30		(4.450.599.086)	(32.066.491.917)
10. Thu nhập khác	31	27	5.206.796.565	6.413.178.889
11. Chi phí khác	32	28	5.632.880.050	4.665.920.029
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(426.083.485)	1.747.258.860
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(163)	(1.011)


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.731.147.320	3.169.767.633
- Các khoản dự phòng	03	(1.232.831.376)	(2.506.288.858)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.156.795.028)	(1.501.607.714)
- Chi phí lãi vay	06	47.500.005	869.879.785
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.487.661.650)	(30.287.482.211)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	17.690.332.749	68.248.428.239
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(8.105.633.210)	(6.164.199.611)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.302.619.359)	(21.214.314.472)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.375.000)	(1.987.894.502)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.372.222)	(238.374.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(254.328.692)	8.356.163.443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	95.454.545	228.181.818
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.061.340.483	1.303.176.491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.156.795.028	1.531.358.309
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(17.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(10.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	902.466.336	(362.478.248)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.951.299.542	46.313.777.790
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	46.853.765.878	45.951.299.542

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 48 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 59 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: Báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước; Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lập dự án đầu tư; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; sản xuất gạch nhẹ;
- Gia công cơ khí (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất gia công tại các phường 1,2,3,4,5,6,7,8 và phường Thắng Tam thuộc Thành phố Vũng tàu, chỉ được phép hoạt động khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh môi trường);
- Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị; Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công nghiệp dân dụng và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- (a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- (b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PetroCons")
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PTSC") - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Công ty
Công ty mẹ của PetroCons
Đơn vị trực thuộc của PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PTSC
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Công ty con của PetroCons
Công ty con của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.545.925	571.901.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.534.219.953	63.397.981
Các khoản tương đương tiền (i)	45.316.000.000	45.316.000.000
Cộng	46.853.765.878	45.951.299.542

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 3,85%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	119.186.726.251	131.309.885.070
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	71.488.482	71.488.482
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	82.412.070.347	94.535.229.166
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	26.096.125.925
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	8.538.696.871	8.538.696.871
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.643.627.996	59.613.533.390
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	21.759.494.013
Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	13.000.000.000	13.000.000.000
Các khách hàng khác	19.884.133.983	24.854.039.377
Cộng	173.830.354.247	190.923.418.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	675.218.967
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc xanh	320.712.625	320.712.625
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	250.000.000
Các đối tượng khác	921.390.998	1.171.632.374
Cộng	2.167.322.590	2.417.563.966

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
a1) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.575.373.701	1.774.198.370
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.282.372.955	1.371.868.821
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.293.000.746	402.329.549
a2) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.655.498.639	9.803.701.130
Tạm ứng cho nhân viên	1.424.563.896	2.385.147.764
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Các khách hàng khác	3.962.061.232	4.149.679.855
Cộng	11.230.872.340	11.577.899.500
b) Dài hạn		
Dự án Chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
Cộng	12.897.200.000	12.897.200.000

Ghi chú:

- (i) Đây là giá trị vốn góp hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện chủ đầu tư và nhà điều hành dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO). Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Sau khi xác định được kết quả kinh doanh của cả dự án, các bên được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đã thi công xong. Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	59.361.253.634	-	59.361.253.634	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
- Các đối tượng khác	11.505.633.696	-	11.505.633.696	-
b) Trả trước cho người bán	1.403.404.965	-	1.403.404.965	-
c) Phải thu khác	5.239.793.723	-	5.239.793.723	-
Cộng	66.004.452.322	-	66.004.452.322	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.485.430	-	1.249.316.442	(967.489.376)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	155.772.894.107	-	146.699.429.885	-
Cộng	156.054.379.537	-	147.948.746.327	(967.489.376)

Ghi chú:

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình chung cư số 33A, đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	33.241.702.671	33.416.632.253
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	39.912.677.204	39.810.200.356
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	80.535.642.363	71.393.409.405
Công trình Viện Dầu khí - Giai đoạn 2	1.853.714.647	1.853.714.647
Các công trình khác	229.157.222	225.473.224
Cộng	155.772.894.107	146.699.429.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	16.299.859.621	40.435.532.619	6.245.428.000	1.541.260.723	64.522.080.963
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	16.299.859.621	39.499.889.346	6.245.428.000	802.533.279	62.847.710.246
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	14.380.828.006	37.062.295.209	5.279.364.150	1.541.260.723	58.263.748.088
- Khấu hao trong năm	1.246.316.448	1.068.469.032	416.361.840	-	2.731.147.320
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	15.627.144.454	37.195.120.968	5.695.725.990	802.533.279	59.320.524.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.919.031.615	3.373.237.410	966.063.850	-	6.258.332.875
Tại ngày cuối năm	672.715.167	2.304.768.378	549.702.010	-	3.527.185.555

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 26.549.049.203 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.821.740.266 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	7.358.452.138	7.358.452.138
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	6.723.000.000	6.723.000.000
Cộng	14.081.452.138	14.081.452.138

Ghi chú:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-		50.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.162.020.383)		2.890.000.000	(1.162.020.383)	
Cộng	2.940.000.000	(1.162.020.383)		2.940.000.000	(1.162.020.383)	

Ghi chú:

(i) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả các bên liên quan	16.135.724.147	16.135.724.147	16.020.793.219	16.020.793.219
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.300.722.566	2.300.722.566	1.643.205.404	1.643.205.404
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	195.228.500	195.228.500	195.228.500	195.228.500
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.214.522.663	8.214.522.663	8.608.599.625	8.608.599.625
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	284.034.130	284.034.130	432.543.402	432.543.402
b) Phải trả người bán khác	61.286.338.178	61.286.338.178	68.230.429.509	68.230.429.509
- Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	6.321.903.344	6.321.903.344	8.321.903.344	8.321.903.344
Các đối tượng khác	54.964.434.834	54.964.434.834	59.908.526.165	59.908.526.165
Cộng	77.422.062.325	77.422.062.325	84.251.222.728	84.251.222.728
<i>Trong đó:</i>				
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	39.883.724.861		39.883.724.861	

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
b) Người mua trả tiền trước khác	115.145.000	205.145.000
Cộng	18.573.185.405	18.663.185.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.914.152.347	129.136.063	1.980.000.000	5.063.288.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.790.664.747	2.249.137.773	-	6.039.802.520
Thuế thu nhập cá nhân	238.227.851	73.539.263	26.126.151	285.640.963
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.237.771.571	2.805.592.744	17.263.370	9.026.100.945
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.107.186.140	(479.052.224)	8.000.000	8.620.133.916
Cộng	26.288.002.656	4.778.353.619	2.031.389.521	29.034.966.754

Ghi chú:

- (i) Các khoản phải nộp khác trong năm bao gồm tiền phạt truy thu và phạt chậm nộp thuế sau khi bù trừ với tiền phạt chậm nộp được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	780.904.275	1.051.523.775
- Bảo hiểm xã hội	550.886.648	547.478.950
- Bảo hiểm y tế	215.456.588	101.436.597
- Bảo hiểm thất nghiệp	53.089.010	30.852.930
- Phải trả phí bảo trì Chung cư 33A (i)	12.988.963.930	13.357.070.275
- Tiền lãi vay phải trả	1.838.380.400	1.823.255.395
- Phải trả ngắn hạn khác	16.821.614.746	15.614.094.940
Cộng	33.249.295.597	32.525.712.862

Ghi chú:

Đây là phí bảo trì nhà chung cư 33A, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Lê Thị Tố Nga	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000

Ghi chú:

Vay ngắn hạn của Bà Lê Thị Tố Nga có thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình Tòa nhà 33A đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu	12.637.246.584	12.902.588.584
Cộng	12.637.246.584	12.902.588.584

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(93.468.987.402)	221.050.205.861
Lợi nhuận trong năm	-	-	(30.319.233.057)	(30.319.233.057)
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(123.788.220.459)	190.730.972.804
Lợi nhuận trong năm	-	-	(4.876.682.571)	(4.876.682.571)
Các khoản truy thu thuế 2017 - 2018	-	-	(2.573.628.500)	(2.573.628.500)
Số dư cuối năm	300.000.000.000	14.519.193.263	(131.238.531.530)	183.280.661.733

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49,00%	147.000.000.000	49,00%
Cộng	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sau:

- Dịch vụ thi công xây lắp các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động khác như cho thuê thiết bị, ...

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam; do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

NĂM NAY

Chỉ tiêu	Dịch vụ xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.491.295.518	(12.343.146)	6.116.215.660	7.595.168.032
Giá vốn hàng bán	1.491.295.518	(12.343.146)	3.454.704.458	4.933.656.830
Lợi nhuận gộp	-	-	2.661.511.202	2.661.511.202
Doanh thu tài chính				1.061.340.483
Chi phí tài chính				47.500.005
Chi phí bán hàng				-
Chi quản lý doanh nghiệp				8.125.950.766
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.450.599.086)
Lợi nhuận khác				(426.083.485)
Lợi nhuận trước thuế				(4.876.682.571)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận trong năm				(4.876.682.571)

NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Dịch vụ xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	(26.706.466.498)	(57.044.503)	8.239.053.442	(18.524.457.559)
Giá vốn hàng bán	472.170.201	(48.797.230)	7.503.576.465	7.926.949.436
Lợi nhuận gộp	(27.178.636.699)	(8.247.273)	735.476.977	(26.451.406.995)
Doanh thu tài chính				1.303.176.491
Chi phí tài chính				886.008.348
Chi quản lý doanh nghiệp				6.032.253.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(32.066.491.917)
Lợi nhuận khác				1.747.258.860
Lợi nhuận trước thuế				(30.319.233.057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận trong năm				(30.319.233.057)

Các chỉ tiêu tài sản và nợ phải trả chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ xây lắp, bất động sản và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.491.295.518	(26.706.466.498)
Doanh thu kinh doanh bất động sản	(12.343.146)	(57.044.503)
Doanh thu hoạt động khác	6.116.215.660	8.239.053.442
Cộng	7.595.168.032	(18.524.457.559)
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:</i>		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.491.295.518	(26.706.466.498)
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	33.000.000	42.000.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.491.295.518	472.170.201
Giá vốn doanh bất động sản	(12.343.146)	(48.797.230)
Giá vốn hoạt động khác	4.422.193.834	9.150.464.304
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(967.489.376)	(1.646.887.839)
Cộng	4.933.656.830	7.926.949.436

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.712.761.925	4.439.491.287
Chi phí nhân công	6.349.741.152	7.113.429.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.731.147.320	3.169.767.633
Chi phí dự phòng	(967.489.376)	(1.646.887.839)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.950.107.887	6.868.847.450
Chi phí khác bằng tiền	3.356.802.910	1.773.348.098
Cộng	22.133.071.818	21.717.996.221

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.061.340.483	1.303.176.491
Cộng	1.061.340.483	1.303.176.491

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	47.500.005	869.879.785
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	16.128.563
Cộng	47.500.005	886.008.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi trả trợ cấp thôi việc	79.092.500	50.509.500
Chi phí nhân viên	3.142.784.301	1.361.522.765
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.062.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.608.371	124.372.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.246.316.448	1.246.316.448
Thuế, phí và lệ phí	1.917.814.082	1.525.953.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.776.335	664.798.490
Các khoản chi phí QLDN khác	1.034.558.729	1.048.717.518
Cộng	8.125.950.766	6.032.253.065

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	95.454.545	198.431.223
Thu nhập từ bán phế liệu	-	2.163.272.637
Tiền chậm nộp thuế được giảm (i)	4.574.285.141	-
Các khoản khác	537.056.879	4.051.475.029
Cộng	5.206.796.565	6.413.178.889

Ghi chú:

- (i) Đây là tiền chậm nộp của thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuê đất tại 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	5.366.441.822	2.215.493.175
Các khoản khác	266.438.228	2.450.426.854
Cộng	5.632.880.050	4.665.920.029

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>5.366.441.822</i>	<i>2.215.493.175</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(4.574.285.141)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(4.084.525.890)	(28.103.739.882)
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>(4.084.525.890)</i>	<i>(28.095.492.609)</i>
- <i>Thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>-</i>	<i>(8.247.273)</i>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trong năm do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(163)	(1.011)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	45.951.299.542
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	183.280.661.733	190.730.972.804
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 03.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.529.410.369	147.008.917.874
Đầu tư tài chính dài hạn	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	179.161.155.864	194.738.197.033
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	109.071.021.401	115.045.643.338
Chi phí phải trả	1.009.148.994	423.195.472
Tổng cộng	110.580.170.395	115.968.838.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán như trình bày tại Thuyết minh số 03, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	-	46.853.765.878
Phải thu khách hàng và phải thu khác	117.632.210.369	12.897.200.000	130.529.410.369
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	164.485.976.247	14.675.179.617	179.161.155.864
Số cuối năm			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	109.071.021.401	-	109.071.021.401
Chi phí phải trả	1.009.148.994	-	1.009.148.994
Tổng cộng	110.580.170.395	-	110.580.170.395
Chênh lệch thanh khoản thuần	53.905.805.852	14.675.179.617	68.580.985.469
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.951.299.542	-	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.111.717.874	12.897.200.000	147.008.917.874
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	180.063.017.416	14.675.179.617	194.738.197.033
Số đầu năm			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	115.045.643.338	-	115.045.643.338
Chi phí phải trả	423.195.472	-	423.195.472
Tổng cộng	115.968.838.810	-	115.968.838.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.094.178.606	14.675.179.617	78.769.358.223

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 13, 19 và 22; trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí		
- Mua dịch vụ	1.099.760.356	607.998.456

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị			
- Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch (từ 29/11/2022)	63.370.636	-
- Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch (từ 28/01/2022 đến 29/11/2022)	-	-
- Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên	42.000.000	46.750.000
- Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập (từ 29/11/2022)	3.500.000	-
Thù lao Ban kiểm soát			
- Bà Trần Thị Thành Huế	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
- Bà Ngô Thị Hoài Thu	Thành viên	12.000.000	14.000.000
- Bà Ngô Trúc Vy	Thành viên	2.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

- Ông Lê Minh Hải	Giám đốc (từ 07/12/2022)	18.556.364	-
- Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc (từ 10/01/2022 đến 07/12/2022)	248.453.536	-
- Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc (đến ngày 10/01/2022)	248.796.355	292.555.973
- Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	233.029.817	250.844.953
- Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	257.422.909	274.993.455

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tuy nhiên, báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại	Số sau phân loại
		VND	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	216	-	12.897.200.000	12.897.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.837.200.000	(12.897.200.000)	2.940.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TANG

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải trả, lãi chậm thanh toán của các khoản phải trả này và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng này là chưa chắc chắn, Công ty chưa xác định được các ảnh hưởng.

35. THÔNG TIN KHÁC

Công ty đã nhận được Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thông báo về việc thu hồi 8.070,6 m² đất tại số 35 đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu do đã hết thời hạn thuê đất nhưng không được gia hạn, thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Luật Đất đai 2013. Theo đó, Công ty đang chuẩn bị kế hoạch thực hiện di dời toàn bộ tài sản trên đất để bàn giao lại khu đất cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023